

-----\*\*\*-----

-----\*\*\*-----

SỞ TƯ PHÁP TỈNH GIA LAI SỐ: 1903/2026/TBĐG-BP

Gia Lai, ngày 22 tháng 8 năm 2026

**ĐẾN** Số: 23665  
Ngày: 25/8/2026  
Chuyển:  
Lưu hồ sơ số:

**THÔNG BÁO ĐẤU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT**

(Quyền sử dụng đất ở tại các Khu, điểm quy hoạch dân cư trên địa bàn  
phường An Nhơn Bắc)

**1. Tài sản đấu giá:** Quyền sử dụng đất ở tại các Khu, điểm quy hoạch dân cư trên địa bàn phường An Nhơn Bắc đợt 1 – năm 2026:

- Tổng số lượng các lô đấu giá quyền sử dụng đất: 34 lô.
- Tổng diện tích: 4.239,07 m<sup>2</sup>.
- Tổng giá khởi điểm: **26.854.520.000 đồng** (Bằng chữ: Hai mươi sáu tỷ, tám trăm năm mươi bốn triệu, năm trăm hai mươi nghìn đồng).

(Vị trí, giá khởi điểm, tiền đặt trước, tiền bán hồ sơ mời tham gia đấu giá, bước giá các lô đất của từng phiên đấu giá có phụ lục chi tiết kèm theo thông báo đấu giá số 1903/2026/TBĐG-BP ngày 22/8/2026).

**2. Người có tài sản đấu giá:**

**Ban Quản lý phường An Nhơn Bắc**

Địa chỉ: 332 Phạm Văn Đồng, phường An Nhơn Bắc, tỉnh Gia Lai.

**3. Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản :**

**Công ty đấu giá Hợp danh Bình Phú.**

Địa chỉ: Lô 24 - khu Đ05, đường A2 khu TĐC Đê Đông - Nhơn Bình, Phường Quy Nhơn Đông, tỉnh Gia Lai.

**4. Thời gian, địa điểm đăng ký tham gia đấu giá và tổ chức phiên đấu giá, cụ thể:**

**Phiên đấu giá ngày: 12/9/2026.**

(Ký hiệu, vị trí, giá khởi điểm, tiền đặt trước, tiền bán hồ sơ mời tham gia đấu giá, bước giá của từng lô đất: Có phụ lục kèm theo thông báo 1903/2026/TBĐG-BP ngày 22/8/2026).

**- Thời gian, địa điểm bán hồ sơ mời tham gia đấu giá, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá, đăng ký tham gia đấu giá và nộp phiếu trả giá:**

+ Tại Trụ sở Công ty đấu giá Hợp danh Bình Phú: Trong giờ hành chính các ngày làm việc, liên tục kể từ ngày ra thông báo đến 16h00 ngày **08/9/2026**.

+ Tại trụ sở Ban Quản lý phường An Nhơn Bắc (Địa chỉ: 332 Phạm Văn Đồng, phường An Nhơn Bắc, tỉnh Gia Lai): Từ **08 giờ 00 phút đến 16 giờ 00 phút**, ngày **09/9/2026**.

**- Thời gian nộp tiền đặt trước:** Đến **16 giờ 00 phút**, ngày **09/9/2026**.

**- Tổ chức đấu giá:** từ 08 giờ 00 phút, ngày **12/9/2026**, tại trụ sở Ban Quản lý phường An Nhơn Bắc (Địa chỉ: 332 Phạm Văn Đồng, phường An Nhơn Bắc, tỉnh Gia Lai)

## 5. Điều kiện, cách thức đăng ký tham gia đấu giá:

- Tất cả các cá nhân thuộc đối tượng được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai năm 2024, có nhu cầu mua đất để xây dựng nhà ở theo quy hoạch đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, trừ các trường hợp pháp luật quy định không được phép tham gia đấu giá; phải nộp hồ sơ mời tham gia đấu giá hợp lệ và khoản tiền đặt trước theo đúng quy định.

- Không được tham dự phiên đấu giá trong trường hợp vợ, chồng, anh ruột, chị ruột, em ruột cũng là người tham gia đấu giá đối với tài sản đó;

**- Bộ hồ sơ mời tham gia đấu giá hợp lệ, gồm các loại chứng từ, cụ thể:**

+ 01 Giấy đăng ký tham gia đấu giá (theo mẫu Công ty ĐGHD Bình Phú phát hành);

+ 01 bản photo CCCD điện tử trên phần mềm VNeID;

+ 01 bản gốc/ bản photo Chứng từ nộp tiền của tiền đặt trước nộp riêng từng lô đất và nộp đúng số tiền theo Thông báo;

+ 01 bản gốc chứng từ nộp tiền mua hồ sơ mời tham gia đấu giá nộp riêng từng lô đất và nộp đúng số tiền theo Thông báo;

+ 01 phiếu trả giá gián tiếp (vòng 1) đựng trong bì thư, có ghi họ tên người tham gia đấu giá, tài sản đấu giá, niêm phong và ký giáp lai.

→ Các loại giấy tờ trên: bấm theo từng lô riêng biệt, bỏ vào bì thư do công ty cung cấp có ghi họ tên khách hàng tham gia và nộp vào thùng Hồ sơ khách hàng.

Lưu ý: Hồ sơ ghi đầy đủ nội dung, không được tẩy, xóa; không được sửa đổi, bấm theo từng lô và có chữ ký của người đăng ký. Nếu vi phạm, xem như không hợp lệ. Khách hàng sử dụng bút bi xanh, màu mực không thể xóa được; **Nếu hồ sơ viết bằng bút bi mờ (có thể tẩy xóa được): hồ sơ không hợp lệ.**

## 6. Nộp khoản tiền đặt trước tham gia đấu giá:

**Tên tài khoản nộp: Công ty Đấu giá Hợp danh Bình Phú:**

- Số tài khoản: 4300000064123 tại Ngân hàng Agribank - CN Bình Định

- Số tài khoản: 522019010002 tại Ngân hàng Sacombank - CN Tam Quan

- Số tài khoản: 5819064123 tại Ngân hàng BIDV - CN Phú Tài

- Số tài khoản: 118002780120 tại Ngân hàng Vietinbank - CN Phú Tài

- Số tài khoản: 9914064123 tại Ngân hàng Vietcombank – CN Quy Nhơn

**Lưu ý: + Cách thức nộp Tiền đặt trước tham gia đấu giá: nộp riêng từng lô vào tài khoản ngân hàng của Công ty đấu giá hợp danh Bình Phú.**

+ Nội dung ghi trong Giấy chuyển tiền: ghi tên người tham gia đấu giá + địa điểm lô đất tại phường/xã. (Ví dụ: Nguyễn Văn A nộp tiền đấu giá đất phường...).

Nếu không ghi nội dung tên người tham gia đấu giá và địa điểm cụ thể: hồ sơ không hợp lệ.

**+ Chứng từ nộp tiền:** nộp Bản chính hoặc bản sao;

Nếu chuyển tiền qua banking: chứng từ đó phải thể hiện Giao dịch đã thành công, Mã số giao dịch, Thời gian giao dịch, Tên người tham gia đấu giá, Địa điểm lô đất (phường);

Mỗi chứng từ nộp tiền: chỉ dùng cho 01 lô đất. Nếu trùng chứng từ nộp tiền, xem như hồ sơ các lô đất khác không hợp lệ.



+ **Phải nộp đúng số tiền Thông báo**, tất cả trường hợp không đúng số tiền Thông báo đều không hợp lệ, trừ trường hợp khách hàng có nhiều hơn 01 giấy nộp tiền, thì tổng số tiền trên các giấy nộp tiền đó phải bằng với số tiền theo Thông báo

#### 7. Hình thức và phương thức đấu giá:

- Hình thức đấu giá: Kết hợp giữa Đấu giá bằng bỏ phiếu gián tiếp tại vòng 01 (lấy 03 mức giá cao nhất vào vòng 02) và đấu giá bằng bỏ phiếu trực tiếp tại cuộc đấu giá từ vòng 02 trở đi.

- Phương thức đấu giá: trả giá lên, bán riêng từng lô.

- **Quy định về giá trả tại vòng 1 (vòng bỏ phiếu gián tiếp):** Người tham gia đấu giá bắt buộc phải trả giá và trả giá ít nhất bằng giá khởi điểm nhưng phải **tròn bước giá**. (Ví dụ: giá trả = giá khởi điểm + n bước giá, với  $n \geq 0$  và là số nguyên).

+ **Ví dụ cách trả giá:** Lô đất số 01 – khu G có giá khởi điểm: 100 triệu đồng, bước giá: 10 triệu đồng. Người tham gia đấu giá ghi phiếu trả giá chọn ghi như sau:

\* Bước giá trả cộng thêm bằng số là: 0 bước, 01 bước, 02 bước, 03 bước, ...

\* Bước giá trả cộng thêm bằng chữ là: khởi điểm, một bước, hai bước, ba bước, ...

+ Và phải ghi đầy đủ 02 mục bằng chữ và bằng số: trong phiếu trả giá.

#### 8. Quy định về giá trúng đấu giá:

Giá trúng đấu giá = Giá khởi điểm + n bước giá, với  $n \geq 0$  và là số nguyên.

9. **Thời gian, địa điểm xem tài sản đấu giá:** Liên tục kể từ ngày ra thông báo cho đến trước ngày tổ chức cuộc đấu giá, tại nơi tọa lạc của lô đất.

#### Mọi chi tiết vui lòng liên hệ:

- Công ty Đấu giá Hợp danh Bình Phú.

Địa chỉ: Lô 24 - khu Đ05, đường A2 khu TĐC Đê Đông - Nhơn Bình, Phường Quy Nhơn Đông, tỉnh Gia Lai.

- Ban Quản lý phường An Nhơn Bắc.

Địa chỉ: 332 Phạm Văn Đồng, phường An Nhơn Bắc, tỉnh Gia Lai.

- UBND phường An Nhơn Bắc.

#### Nơi nhận:

- Sở Tư pháp, Sở Tài chính đăng tải công khai trên Trang thông tin điện tử của cơ quan;
- Ban Quản lý phường An Nhơn Bắc – niêm yết;
- UBND phường An Nhơn Bắc – niêm yết;
- Trung tâm Văn hóa phường An Nhơn Bắc – niêm yết;
- Đăng tải trang thông tin điện tử công ty;
- Niêm yết, lưu Công ty.



Lê Thị Minh Nhã

**PHỤ LỤC**

**ĐẤU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT Ở CÁC KHU DÂN CƯ TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG  
AN NHƠN BẮC ĐỢT 1 - NĂM 2026**

*(Phụ lục kèm thông báo đấu giá số 1903/2026/TBDG-BP ngày 22/8/2026 của Công ty đấu giá hợp danh Bình Phú)*

- Thời gian, địa điểm bán hồ sơ đăng ký, nộp hồ sơ tham gia đấu giá và phiếu trả giá:
- + Tại Trụ sở Công ty đấu giá Hợp danh Bình Phú: Trong giờ hành chính các ngày làm việc, liên tục kể từ ngày ra thông báo đến ngày 08/9/2026.
- + Tại trụ sở Ban Quản lý phường An Nhơn Bắc (Địa chỉ: 332 Phạm Văn Đồng, phường An Nhơn Bắc, tỉnh Gia Lai): Từ 08 giờ 00 phút đến 16 giờ 00 phút, ngày 09/9/2026.
- Thời gian, địa điểm tổ chức đấu giá: vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 12/9/2026 tại trụ sở Ban Quản lý phường An Nhơn Bắc (Địa chỉ: 332 Phạm Văn Đồng, phường An Nhơn Bắc, tỉnh Gia Lai)

| ST T                                                        | Lô số            | Diện tích (m <sup>2</sup> ) | Tên đường                            | Đơn giá (đồng/m <sup>2</sup> ) | Thành tiền (đồng/lô)  | Bước giá (đồng) | Số tiền đặt trước (đồng) | Tiền hồ sơ mời tham gia đấu giá (đồng) | Ghi chú |
|-------------------------------------------------------------|------------------|-----------------------------|--------------------------------------|--------------------------------|-----------------------|-----------------|--------------------------|----------------------------------------|---------|
| <b>I Điểm dân cư xen kẹt xã Nhơn hạnh, thị xã An Nhơn</b>   |                  |                             |                                      |                                |                       |                 |                          |                                        |         |
|                                                             | <b>Vị trí 1</b>  | <b>275,0</b>                |                                      |                                | <b>687.500.000</b>    |                 | <b>137.500.000</b>       | <b>200.000</b>                         |         |
| 1                                                           | 1                | 138                         | Đường đi KDC hiện trong lộ giới 14m  | 2.500.000                      | 345.000.000           | 14.000.000      | 69.000.000               | 100.000                                |         |
| 2                                                           | 2                | 137                         | Đường đi KDC hiện trong lộ giới 14m  | 2.500.000                      | 342.500.000           | 14.000.000      | 68.500.000               | 100.000                                |         |
|                                                             | <b>Vị trí 2</b>  | <b>121,5</b>                |                                      |                                | <b>425.250.000</b>    |                 |                          |                                        |         |
| 3                                                           | 5                | 121,5                       | Đường DS 1 lộ giới 14m               | 3.500.000                      | 425.250.000           | 18.000.000      | 85.050.000               | 100.000                                |         |
| <b>II Điểm dân cư xen kẹt Đám Hào, tổ dân phố Lý Tây</b>    |                  |                             |                                      |                                | <b>1.411.950.000</b>  |                 | <b>282.390.000</b>       | <b>200.000</b>                         |         |
|                                                             |                  | <b>268,8</b>                |                                      |                                | <b>1.411.950.000</b>  |                 | <b>282.390.000</b>       | <b>200.000</b>                         |         |
| 4                                                           | 1                | 134,9                       | Các lô quay mặt đường Võ Trứ         | 6.000.000                      | 809.400.000           | 29.000.000      | 161.880.000              | 100.000                                |         |
| 5                                                           | 6A               | 133,9                       | Đường QH DS1                         | 4.500.000                      | 602.550.000           | 22.000.000      | 120.510.000              | 100.000                                |         |
| <b>I Điểm dân cư tổ 9 Khu vực Châu Thành</b>                |                  |                             |                                      |                                |                       |                 |                          |                                        |         |
|                                                             | <b>ODT-LK</b>    | <b>709,5</b>                |                                      |                                | <b>5.605.050.000</b>  |                 | <b>1.121.010.000</b>     | <b>700.000</b>                         |         |
| 6                                                           | 19               | 112,5                       | Các lô đất đường nội bộ              | 7.900.000                      | 888.750.000           | 32.000.000      | 177.750.000              | 100.000                                |         |
| 7                                                           | 20               | 118,3                       | Các lô đất đường nội bộ              | 7.900.000                      | 934.570.000           | 33.000.000      | 186.914.000              | 100.000                                |         |
| 8                                                           | 21               | 124,2                       | Các lô đất đường nội bộ              | 7.900.000                      | 981.180.000           | 35.000.000      | 196.236.000              | 100.000                                |         |
| 9                                                           | 22               | 111,1                       | Các lô đất đường nội bộ              | 7.900.000                      | 877.690.000           | 31.000.000      | 175.538.000              | 100.000                                |         |
| 10                                                          | 23               | 115,4                       | Các lô đất đường nội bộ              | 7.900.000                      | 911.660.000           | 32.000.000      | 182.332.000              | 100.000                                |         |
| 11                                                          | 24               | 128,0                       | Các lô đất đường nội bộ              | 7.900.000                      | 1.011.200.000         | 31.000.000      | 202.240.000              | 200.000                                |         |
| <b>II Khu QHDC sau trường THCS Nhơn Thành (giai đoạn 3)</b> |                  |                             |                                      |                                |                       |                 |                          |                                        |         |
|                                                             | <b>Khu OLK-A</b> | <b>2.864,27</b>             |                                      |                                | <b>18.724.770.000</b> |                 | <b>3.744.954.000</b>     | <b>2.500.000</b>                       |         |
| 12                                                          | 1                | 131,52                      | Các đường trong khu QHDC lộ giới 14m | 6.500.000                      | 854.880.000           | 30.000.000      | 170.976.000              | 100.000                                |         |
| 13                                                          | 2                | 129,45                      | Các đường trong khu QHDC lộ giới 14m | 6.500.000                      | 841.425.000           | 30.000.000      | 168.285.000              | 100.000                                |         |
| 14                                                          | 3                | 127,37                      | Các đường trong khu QHDC lộ giới 14m | 6.500.000                      | 827.905.000           | 29.000.000      | 165.581.000              | 100.000                                |         |
| 15                                                          | 4                | 125,29                      | Các đường trong khu QHDC lộ giới 14m | 6.500.000                      | 814.385.000           | 29.000.000      | 162.877.000              | 100.000                                |         |
| 16                                                          | 5                | 123,22                      | Các đường trong khu QHDC lộ giới 14m | 6.500.000                      | 800.930.000           | 29.000.000      | 160.186.000              | 100.000                                |         |





| ST T             | Lô số | Diện tích (m <sup>2</sup> ) | Tên đường                            | Đơn giá (đồng/m2) | Thành tiền (đồng/lô)  | Bước giá (đồng) | Số tiền đặt trước (đồng) | Tiền hồ sơ mời tham gia đấu giá (đồng) | Ghi chú |
|------------------|-------|-----------------------------|--------------------------------------|-------------------|-----------------------|-----------------|--------------------------|----------------------------------------|---------|
| 17               | 6     | 121,14                      | Các đường trong khu QHDC lộ giới 14m | 6.500.000         | 787.410.000           | 28.000.000      | 157.482.000              | 100.000                                |         |
| 18               | 7     | 119,07                      | Các đường trong khu QHDC lộ giới 14m | 6.500.000         | 773.955.000           | 28.000.000      | 154.791.000              | 100.000                                |         |
| 19               | 9     | 114,91                      | Các đường trong khu QHDC lộ giới 14m | 6.500.000         | 746.915.000           | 27.000.000      | 149.383.000              | 100.000                                |         |
| 20               | 10    | 112,84                      | Các đường trong khu QHDC lộ giới 14m | 6.500.000         | 733.460.000           | 26.000.000      | 146.692.000              | 100.000                                |         |
| 21               | 11    | 110,76                      | Các đường trong khu QHDC lộ giới 14m | 6.500.000         | 719.940.000           | 26.000.000      | 143.988.000              | 100.000                                |         |
| 22               | 12    | 160,13                      | Các đường trong khu QHDC lộ giới 14m | 7.800.000         | 1.249.014.000         | 38.000.000      | 249.802.800              | 200.000                                | Lô góc  |
| 23               | 13    | 156,00                      | Các đường trong khu QHDC lộ giới 14m | 7.560.000         | 1.179.360.000         | 36.000.000      | 235.872.000              | 200.000                                | Lô góc  |
| 24               | 14    | 110,76                      | Các đường trong khu QHDC lộ giới 14m | 6.300.000         | 697.788.000           | 25.000.000      | 139.557.600              | 100.000                                |         |
| 25               | 15    | 112,84                      | Các đường trong khu QHDC lộ giới 14m | 6.300.000         | 710.892.000           | 25.000.000      | 142.178.400              | 100.000                                |         |
| 26               | 16    | 114,91                      | Các đường trong khu QHDC lộ giới 14m | 6.300.000         | 723.933.000           | 26.000.000      | 144.786.600              | 100.000                                |         |
| 27               | 17    | 116,99                      | Các đường trong khu QHDC lộ giới 14m | 6.300.000         | 737.037.000           | 26.000.000      | 147.407.400              | 100.000                                |         |
| 28               | 18    | 119,07                      | Các đường trong khu QHDC lộ giới 14m | 6.300.000         | 750.141.000           | 27.000.000      | 150.028.200              | 100.000                                |         |
| 29               | 19    | 121,14                      | Các đường trong khu QHDC lộ giới 14m | 6.300.000         | 763.182.000           | 27.000.000      | 152.636.400              | 100.000                                |         |
| 30               | 20    | 123,22                      | Các đường trong khu QHDC lộ giới 14m | 6.300.000         | 776.286.000           | 28.000.000      | 155.257.200              | 100.000                                |         |
| 31               | 21    | 125,29                      | Các đường trong khu QHDC lộ giới 14m | 6.300.000         | 789.327.000           | 28.000.000      | 157.865.400              | 100.000                                |         |
| 32               | 22    | 127,37                      | Các đường trong khu QHDC lộ giới 14m | 6.300.000         | 802.431.000           | 29.000.000      | 160.486.200              | 100.000                                |         |
| 33               | 23    | 129,45                      | Các đường trong khu QHDC lộ giới 14m | 6.300.000         | 815.535.000           | 29.000.000      | 163.107.000              | 100.000                                |         |
| 34               | 24    | 131,53                      | Các đường trong khu QHDC lộ giới 14m | 6.300.000         | 828.639.000           | 30.000.000      | 165.727.800              | 100.000                                |         |
| <b>Tổng cộng</b> |       | <b>4.239,07</b>             |                                      |                   | <b>26.854.520.000</b> |                 | <b>5.285.854.000</b>     | <b>3.600.000</b>                       |         |


 KẾT. GIÁM ĐỐC  
 PHÓ GIÁM ĐỐC  
 Lê Thị Minh Nhã